

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 9 - 2026

V/v: Chị Đặng Thị L xin ly hôn
anh Bùi Việt D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Tiến Thịnh.

Bà Chu Thị Hồng Nhật.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 392/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1982; căn cước công dân số: 036182004XXX do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24/7/2022; nơi thường trú: Thôn CL, xã VX, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Bùi Việt D**, sinh năm 1988; căn cước công dân số: 034088001XXX do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 19/4/2022; nơi thường trú: Thôn CL, xã VX, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2026 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày:**

Chị và anh Bùi Việt D có quan hệ tình cảm và chung sống cùng nhau từ cuối năm 2018. Đầu năm 2019, chị mang thai với anh D và ngày 08/9/2019 chị sinh con, đặt tên là Bùi Nhật V. Ngày 21/01/2021, chị và anh D tự nguyện đăng

ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (cũ). Trước khi chung sống, kết hôn cùng anh D, chị đã có chồng, có 01 con và đã ly hôn; anh D kết hôn lần đầu. Sau kết hôn, chị và anh D về sống cùng gia đình anh D tại tỉnh Thái Bình (cũ), anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng về quan điểm sống, cách sống, không tìm được tiếng nói chung, liên tục cãi vã, nhiều lần anh D đánh chị và anh chị đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Ngày 19/7/2026, chị và anh D đã ký đơn thuận tình ly hôn, chị đã nộp tại Tòa án nhưng sau đó anh D cho rằng anh D đã ký đơn rồi thì Tòa án cứ thế giải quyết, anh D sẽ không đến Tòa án, do đó, chị đã làm đơn khởi kiện ly hôn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D, chị không chấp nhận đoàn tụ.

Chị và anh Bùi Việt D có 01 con chung là Bùi Nhật V, sinh ngày 08/9/2019, hiện học lớp 2 tại Trường Tiểu học xã VX, tỉnh Hưng Yên và đang ở cùng anh D. Ly hôn, do chị làm tự do, nay đây mai đó, không ổn định nên chị không thể nuôi con, con hiện đang ở cùng anh D ổn định, việc anh D nuôi con sẽ có sự hỗ trợ của gia đình nên chị đề nghị Tòa án giao con V cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con V cùng anh D số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án. Hiện mức thu nhập bình quân của chị khoảng 12 triệu đồng/01 tháng; hiện anh D làm gì, thu nhập bao nhiêu, chị không biết.

Chị và anh Bùi Việt D không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (phần của chị và phần của anh D nếu anh D phải nộp).

*** *Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị đề ngày 12/8/2026, anh Bùi Việt D trình bày:***

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn, anh Bùi Việt D trình bày như chị Đặng Thị L đã khai. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Hai bên đã tìm cách hòa giải nhưng không được và đến đầu năm 2025 mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị L.

Anh và chị Đặng Thị L có 01 con chung là Bùi Nhật V, sinh ngày 08/9/2019, hiện đang ở cùng anh. Ly hôn, anh đồng ý với ý kiến của chị L là giao con V cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con V cùng anh số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện anh làm tự do, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/01 tháng.

Anh và chị Đặng Thị L không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/7/2026, anh đã ký đơn thuận tình ly hôn với chị L rồi nên anh không đến Tòa án nữa. Anh đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt anh. Chị Đặng Thị L tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm, anh đồng ý.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng một phần quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử công nhận cho chị L và anh D được thuận tình ly hôn. Xử công nhận thỏa thuận giữa chị L và anh D: Anh D trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Nhật V, sinh ngày 08/9/2019; chị L cấp dưỡng tiền nuôi con Bùi Nhật V cùng anh D số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không đặt ra giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung. Chấp nhận việc chị L tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm; chị L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Việt D và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn, anh D có nơi thường trú tại xã VX, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

[1.2] Chị Đặng Thị L và anh Bùi Việt D đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Việt D đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 và các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị L, anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Việt D tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện chung sống cùng nhau từ cuối năm 2018 và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hoà, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (cũ), do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách sống, không có tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị không có biện pháp giải quyết dứt điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ đầu năm 2025 đến nay. Nay cả chị L và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh D, anh D đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh D là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử công nhận cho chị L và anh D được thuận tình ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Việt D có một con chung là Bùi Nhật V, sinh ngày 08/9/2019. Ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao con V cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị L tự nguyện cấp dưỡng cho con V cùng anh D số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết

định của Tòa án; anh D đồng ý với đề nghị của chị L. Xét thấy: Thỏa thuận của chị L và anh D về việc nuôi con chung, cấp dưỡng cho con chung là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử công nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Việt D đều thống nhất trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, anh chị không yêu cầu nên đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Việt D mỗi người phải chịu 25% mức án phí không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Xét việc chị L tự nguyện nộp cả án phí ly hôn là tự nguyện, cần chấp nhận. Chị L phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận cho chị Đặng Thị L và anh Bùi Việt D được thuận tình ly hôn

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận thỏa thuận giữa chị Đặng Thị L và anh Bùi Việt D: Anh Bùi Việt D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Nhật V, sinh ngày 08/9/2019. Chị Đặng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Bùi Nhật V cùng anh Bùi Việt D số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/01 tháng (Một tháng). Thời gian cấp dưỡng cho con Bùi Nhật V kể từ tháng 9/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Chị Đặng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi một trong các bên có yêu cầu.

2.3. Kể từ ngày từng khoản tiền cấp dưỡng cho con đến hạn và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị L tự nguyện nộp cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Đặng Thị L đã nộp tạm ứng án phí Tòa án tại Biên lai số 0000725 ngày 05/8/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang thành án phí. Như vậy, chị Đặng Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị L và anh Bùi Việt D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 33, 34, 36 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã VX, tỉnh Hưng Yên (Giấy CNKH số 06 ngày 21/01/2021 tại UBND xã Xuân Hoà, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cũ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

